

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 02-5-2024.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA,
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Phụng.

Bà Nguyễn Thị Kim Yến.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 3028/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị N, sinh năm 1996; Nơi cư trú: A khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu Bảo L, sinh năm 1990; Nơi cư trú: hẻm B, tổ A, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N có mặt, anh L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2023, bản tự khai ngày 26/12/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu Bảo L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P), thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78/2017 ngày 08 tháng 4 năm 2017.

Quá trình chung sống đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống, tính tình không hòa

hợp và không còn yêu thương nhau. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện với anh L để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện nay chị và anh L cũng không còn sống chung với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Bảo L.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/10/2017. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi mở phiên tòa, chị Đinh Thị N thay đổi 1 phần yêu cầu khởi kiện về con chung, chị không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Bảo L phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2023, anh Nguyễn Hữu Bảo L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P), thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78/2017 ngày 08 tháng 4 năm 2017.

Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống gia đình chưa tới mức phải ly hôn nên chị N làm đơn ly hôn thì tôi không đồng ý. Tuy nhiên từ tháng 05/2023 đến nay thì chị N đã chuyển ra ngoài sinh sống chỉ vì tôi không cho chị N đi chơi lễ nên có lớn tiếng dẫn đến phát sinh mâu thuẫn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/10/2017. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết tiếp theo, anh Nguyễn Hữu Bảo L đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh L tham gia các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt của anh L để có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.

- Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự:

Chị Đinh Thị N thực hiện đúng các quy định về quyền của người khởi kiện, đã cung cấp những tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, tham gia các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng giấy triệu tập của Tòa án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Hữu Bảo L trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không chấp hành, vắng mặt không có lý do.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị N thì căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh Nguyễn Hữu Bảo L và chị N không còn sống chung, không quan tâm chăm sóc đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Đinh Thị N, anh Nguyễn Hữu Bảo L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/10/2017. Khi ly hôn, chị Đinh Thị N có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T và tạm thời không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Bảo L phải cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị N giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/10/2017 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện cháu T đang ở với chị N, do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về phần anh Nguyễn Hữu Bảo L thì không cung cấp các tài liệu chứng minh đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Đối với yêu cầu cấp dưỡng do chị Đinh Thị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Đinh Thị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Bảo L; đồng thời chị N và anh L hiện đang sinh sống tại phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Anh Nguyễn Hữu Bảo L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt giấy triệu tập, văn bản tố tụng họp lệ nhiều lần để đến Tòa án tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải các bên đương sự được.

Anh Nguyễn Hữu Bảo L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Hữu Bảo L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P), thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78/2017 ngày 08 tháng 4 năm 2017 nên công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Đinh Thị N thì quá trình vợ chồng chung sống đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp và không còn yêu thương nhau. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện với anh L để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện nay chị và anh L cũng không còn sống chung với nhau. Nay chị Đinh Thị N làm đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Bảo L vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

Về phần anh Nguyễn Hữu Bảo L thừa nhận chỉ có mâu thuẫn bình thường trong gia đình, hiện nay chị N đã chuyển ra ngoài sinh sống và không còn sống chung với anh.

Sau đó thì anh L lên Tòa đề hòa giải đoàn tụ, chứng tỏ anh L không còn quan tâm đến chị N, cũng như không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/3/2024, thì ông Thân Đức B là trưởng khu phố V, phường P xác định vợ chồng anh Nguyễn Hữu Bảo L, chị Đinh Thị N trong quá trình chung sống không báo chính quyền địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không nắm được.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị N nhận thấy chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Hữu Bảo L hiện nay không còn sống chung, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người kia muốn sống ra sao thì sống.

Do đó, đối chiếu với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm a mục 8 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng chị Đinh Thị N, anh Nguyễn Hữu Bảo L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị N, giải quyết cho chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Bảo L là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Đinh Thị N, anh Nguyễn Hữu Bảo L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/10/2017. Khi ly hôn, chị Đinh Thị N có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T và tạm thời không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Bảo L phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung thì hiện cháu Nguyễn Ngọc Bảo T đang do chị N trực tiếp chăm sóc, cháu T vẫn đang phát triển bình thường.

Trong khi anh Nguyễn Hữu Bảo L không cung cấp các tài liệu chứng minh đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, tránh gây xáo trộn về mặt tâm sinh lý của các cháu, cần giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng, do chị Đinh Thị N không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hữu Bảo L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Biên Hòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và các Điều 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều Điều 5, 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Bảo L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/10/2017 cho chị Đinh Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Hữu Bảo L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hữu Bảo L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009244 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chị Đinh Thị N đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị N, anh Nguyễn Hữu Bảo L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa (01);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa (01);
- UBND phường Phước Tân, thành phố Biên Hoà (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Đức